

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST

Ngày : 25-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA - TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông La Văn Việt

2/. Ông Nguyễn Chí Lin

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trị - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2020/TLST-HS, ngày 29 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 57/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Võ Văn T, sinh năm 1998; Nơi sinh tại Sóc Trăng; Tên gọi khác: Không; Có nơi đăng ký HKTT: Ấp H, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp H, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn L, sinh năm 1966 (sống) và bà Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1966 (còn sống); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại Tòa.

- Bị hại: Bà **Võ Thị Diễm Tr**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu vực H2, phường L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- Người làm chứng: Ông Ngô Tuấn B (vắng mặt), ông Dương Tấn Th (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS-ĐH ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An truy tố Võ Văn T về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 21/3/2020, Võ Văn T điều khiển xe mô tô của T (không có giấy đăng ký xe) hiệu Honda loại Dream biển số 66N3-6046 chở Cường (chưa rõ nhân thân lai lịch) là bạn mới quen đi ăn cơm trưa. Sau khi ăn xong, Cường điều khiển xe Dream biển số 66N3-6046 chở T về phòng trọ của T tại phòng trọ số 11, gần khu Tư Lửa thuộc ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Trên đường đi, khi đến dãy nhà trọ của anh Ngô Tấn Biễn, thuộc ấp Bình Tiên 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thấy dãy phòng trọ khóa cửa ngoài, không có người trông giữ nên cả hai bàn bạc, thống nhất đột nhập vào trong, trộm cắp tài sản, bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Cường đi bộ đến phòng trọ số 04 dùng thanh sắt bẻ ổ khóa cửa phòng trọ, T ở bên ngoài canh giới. Sau đó, Cường trộm cắp được 01 xe mô tô hiệu Honda loại Vision màu đỏ, biển số 69D1-363.70 của bà Võ Thị Diễm Tr, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Khu vực Khánh Hưng 2, phường Trà Lồng, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Cường đẩy xe ra ngoài nơi T canh giới. Do không khởi động máy xe được nên Cường nói với T “đẩy xe về”, Cường ngồi trên xe Vison biển số 69D1-363.70, T điều khiển xe Dream biển số 66N3-6046 dùng chân đẩy xe vừa trộm được về phòng trọ của T. Cường đẩy xe Vision vừa trộm được vào phòng trọ của T cất giấu. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Cường đẩy xe ra ngoài bán cho người không rõ họ tên địa chỉ và quay lại phòng trọ nói với T là bán xe được 09 – 10 triệu đồng. Sau đó, Cường lấy xe chở bạn gái đi đâu không rõ và có nói với T là khi Cường về sẽ chia tiền bán xe Vision trộm được cho T. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T đến Công an xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đầu thú, thừa nhận hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra không thu giữ được xe mô tô biển số 69D1-363.70 để xử lý.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 66N3-6046 mà T sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội không có người đứng tên đăng ký sở hữu. Biển số 66N3-6046 là biển số giả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL.ĐGTS ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xác định xe mô tô biển số 69D1-363.70 mà Võ Văn T và Cường trộm cắp của bà Võ Thị Diễm Tr có giá trị thành tiền là 25.592.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang tạm giữ vật chứng chờ xử lý: 01 xe mô tô loại Dream biển số 66N3-6046 (biển số giả), số khung: 1015680, số máy: 00683227.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị hại – bà Võ Thị Diễm Tr yêu cầu bị can Võ Văn T phải bồi thường giá trị tương đương xe mô tô biển số 69D1-363.70 bị mất không thu hồi được, với số tiền là 25.592.000 đồng, theo kết luận định giá tài sản.

Theo đó, bản cáo trạng số 54/CT-VKS-ĐH ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố Võ Văn T về tội về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố trong phần luận tội đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Võ Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: bị cáo Võ Văn T từ 09 tháng tù đến 01 năm tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau: Tịch thu sung công quỹ đối với 01 xe mô tô loại Dream biển số 66N3-6046 (biển số giả), số khung: 1015680, số máy: 00683227 do bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Văn T phải bồi thường cho bà Võ Thị Diễm Tr giá trị tương đương xe mô tô biển số 69D1-363.70 bị mất không thu hồi được, với số tiền là 25.592.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng là bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về lo làm ăn, sửa đổi để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người làm chứng là ông Ngô Tuấn Biên và ông Ngô Tấn Thanh được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, đã có lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[3.1] Bị cáo Võ Văn T có hành vi cùng người có tên Cường (không rõ nhân thân, lai lịch) lén lút, chiếm đoạt của bà Võ Thị Diễm Tr 01 xe mô tô biển số 69D1-363.70 có giá trị thành tiền là 25.592.000 đồng. Sau đó, Bị cáo T đã ra đầu thú. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa điểm, loại tài sản, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, ý kiến của kiểm sát viên. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Võ Văn T “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và khung hình phạt của bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3.1] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[3.2] Hành vi của bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an T xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của bà Võ Thị Diễm Tr là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra; Đồng thời, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo và sửa chữa lỗi lầm của mình, trở thành người có ích cho xã hội.

[3.3] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng:

[3.3.1] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của mình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo.

[3.3.2] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa

đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau: Tịch thu sung công quỹ đối với 01 xe mô tô loại Dream biển số 66N3-6046 (biển số giả), số khung: 1015680, số máy: 00683227 do bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T đồng ý bồi thường cho bà Võ Thị Diễm Tr số tiền 25.592.000 đồng là giá trị tương đương xe mô tô biển số 69D1-363.70 bị mất không thu hồi được, theo kết luận định giá tài sản, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Võ Văn T.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.279.600 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho việc bồi thường giá trị xe cho bà Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đối với người có tên Cường có hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 69D1-363.70 cùng với T, không xác định được nhân thân lai lịch của Cường, nên Cơ quan điều tra ra Quyết định tách vụ án hình sự số 17/QĐ-ĐTTH ngày 20/4/2020 tách hành vi của Cường ra thành vụ án khác tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 47, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Võ Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Về hình phạt: xử phạt bị cáo **Võ Văn T 09** (chín) tháng tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/3/2020.

2. Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Văn T 45 (Môn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/5/2020) để bảo đảm việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ đối với 01 xe mô tô loại Dream biển số 66N3-6046 (biển số giả), số khung: 1015680, số máy: 00683227 (Tang vật hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 35/QĐ-KSĐT ngày 29/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 77-06/5/2020 ngày 06/5/2020).

4. Về Trách nhiệm hình sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Võ Văn T đồng ý bồi thường cho bà Võ Thị Diễm Tr số tiền 25.592.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.279.600 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước.

6. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/5/2020);

8. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hòa;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương